

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-PT
Ngày 28-11-2025
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Thẩm phán: Ông Phạm Anh Tuyết, bà Trần Minh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Mùi Nái - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 30/2025/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn; do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 13/2025/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; số CCCD: 030191002663; địa chỉ: Thôn N, xã T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn M, sinh năm 1987; số CCCD: 030087002723; địa chỉ: Khu H, xã K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị T.

Bản án sơ thẩm không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày: Chị T và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 23/7/2013 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số G V, Khu H, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp với nhau; anh M chơi cờ bạc, lơ đãng gây thiệt hại về kinh tế. Gia đình hai bên đã

nhiều lần hòa giải, nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Năm 2017, anh M sang Đài Loan lao động, từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ năm 2021 và chị T đưa hai con về ngoại sinh sống. Chị T xác định cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho ly hôn anh M. Về con chung: Chị T và anh M có 02 con chung là Phạm Minh Q, sinh ngày 19/5/2014 và cháu Phạm Trung N, sinh ngày 06/10/2016. Hiện cả hai con đang ở với chị T; hai con đều có nguyện vọng ở với mẹ, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị T đang làm việc tại Công ty TNHH G, mức lương chính 11.000.000 đồng/tháng và được bố mẹ đề phụ giúp về chỗ ở, trông con, kinh tế. Về quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Phạm Văn M trình bày về thời điểm, điều kiện kết hôn, con chung như lời trình bày của nguyên đơn. Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ ở với nhau thời gian ngắn vì cuối năm 2018 chị T đi lao động ở nước ngoài đến cuối năm 2024 chị T mới về Việt Nam. Anh chị có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Từ cuối năm 2021, chị T về nhà để sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm đến nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Anh M đồng ý ly hôn chị T để sớm ổn định cuộc sống và tinh thần. Vợ chồng có hai con chung như chị T trình bày. Anh M đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi dưỡng cháu Phạm Minh Q, giao chị T nuôi dưỡng cháu Phạm Trung N đến khi các cháu trưởng thành, không ai phải góp tiền nuôi con chung. Anh M xác định có nơi ăn chỗ ở ổn định, có thu nhập ổn định 11.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Trước đó chị T đi lao động nước ngoài 6 năm anh M đã nuôi hai cháu ăn học ổn định, phát triển tốt về mọi mặt; mặt khác bố để anh M cũng chăm sóc các cháu cùng anh. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2025/HNGĐ-ST ngày 18/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng đã quyết định: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh M. Giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Trung N; giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Minh Q đến khi các con trưởng thành. Chị T và anh M không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không giải quyết. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

4. Ngày 23/9/2025, chị T kháng cáo xin được nuôi cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa:

Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày: Anh mãi chơi, không chịu khó làm ăn. Năm 2017 anh M đi lao động ở Đài Loan, năm 2018 chị T cũng sang Đài Loan để lao động và quản lý anh M nhưng anh M lại vi phạm quy định của pháp luật nước sở tại dẫn đến phải về nước. Trong thời gian chị T ở Đài Loan, anh M ở nhà thường tụ tập bạn bè, chơi bời, không quan tâm chăm sóc các con, chủ yếu các con ở bên ông bà ngoại.

Anh M không đồng ý kháng cáo của chị T, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị T, sửa bản án sơ thẩm về phần quan hệ con chung theo hướng giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung; không buộc chị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của chị T trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương (cũ) nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Hai anh chị có thời gian sinh sống hạnh phúc, từ khoảng năm 2017 anh chị đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và tính cách. Anh chị xác định đã sống ly thân nhau nhiều năm và đã thuận tình ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh M là phù hợp, cả hai anh chị không kháng cáo về nội dung này.

Xét kháng cáo về quan hệ con chung của chị T: Cả chị T và anh M hiện đều làm công nhân, có thu nhập đảm bảo đời sống cơ bản. Bố mẹ của anh M, chị T đều có điều kiện và sẵn sàng hỗ trợ anh chị chăm sóc và đưa đón các cháu đi học. Bố mẹ chị T đã có hợp đồng tặng cho chị T quyền sử dụng đất và tiền gửi tiết kiệm để đảm bảo cho chị T và các con ổn định cuộc sống sau ly hôn; hai con chung của anh chị đều trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với mẹ; thực tế hiện tại cả hai con của anh chị đều ở ổn định cùng chị T tại nhà ông bà ngoại cuộc sống và điều kiện học tập của các cháu đã ổn định. Sau khi xét xử sơ thẩm, cháu Phạm Minh Q có đơn tha thiết đề nghị được ở với mẹ và em trai. Tại phiên tòa phúc thẩm, cháu Q có nguyện vọng mong muốn được tiếp tục ở cùng mẹ và em trai. Như vậy, việc giao cháu Q cho anh M nuôi dưỡng sẽ gây xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt, ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý của cháu và gây khó khăn cho quá trình thi hành án. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Q, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm giao cả cháu Q và cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Chị T kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T. Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 13/2025/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng về quan hệ con chung như sau:

Căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Giao cả hai con chung là Phạm Minh Q, sinh ngày 19/5/2014 và Phạm Trung N, sinh ngày 06/10/2016 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có căn cứ thay đổi người trực tiếp nuôi con. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu anh Phạm Văn M cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Phạm Văn M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2. Hoàn trả chị Nguyễn Thị T 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002552 ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND khu vực 12 - Hải Phòng;
- Phòng THADS TP. Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu